

Số: *2627*/LĐTBXH-ATLĐ

V/v điều chỉnh chức danh một số chức danh nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

Hà Nội, ngày *02* tháng *8* năm 2012

Kính gửi: Tổng công ty Máy động lực và máy nông nghiệp Việt Nam

Trả lời công văn số 196/CV-VEAM/VPTH ngày 17 tháng 7 năm 2012 của Tổng công ty Máy động lực và máy nông nghiệp Việt Nam về việc ghi ở trích yếu. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có ý kiến như sau:

1. Điều chỉnh một số chức danh nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm mà Công ty cổ phần cơ khí Phở Yên đã xếp và trả lương nhưng ghi sai trong sổ bảo hiểm xã hội. Danh mục điều chỉnh tên nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đính kèm theo công văn này.

2. Đề nghị Tổng công ty Máy động lực và máy nông nghiệp Việt Nam chỉ đạo các đơn vị thành viên khi ghi sổ bảo hiểm xã hội cho người lao động cần ghi đúng chức danh nghề theo Danh mục đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành./. *Thấy*

Nơi nhận:

- Như trên (03 bản);
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam (02 bản);
- Sở LĐTBXH tỉnh Thái Nguyên;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên;
- Vụ Bảo hiểm xã hội;
- Vụ Lao động – Tiền lương;
- Công ty cp cơ khí Phở Yên;
- Lưu: VT, Cục ATLĐ(03 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Bùi Hồng Lĩnh

PHỤ LỤC

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH TÊN NGHỀ, CÔNG VIỆC NẶNG NHỌC, ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM VÀ ĐẶC BIỆT NẶNG NHỌC, ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM

(Kèm theo công văn số *2627*/LĐTBXH-ATLĐ ngày *02* tháng *8* năm 2012 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

TT	Tên nghề, công việc ghi trong sổ BHXH	Lương theo Nghị định 26/CP ngày 23/5/1993	Lương theo Nghị định 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004	Tên được công nhận của các nghề, công việc nêu tại cột a	Quyết định của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH có quy định nghề, công việc được công nhận tại cột c
	a	b	c	d	e
1	Công nhân Cán thép; công nhân Đúc gang; trung cấp rèn cán; công nhân cán	A1 cơ khí, điện tử, tin học nhóm III	A1.6 cơ khí, điện tử - tin học nhóm III	Cán thép nóng	Quyết định số 1453/LĐTBXH-QĐ ngày 13/10/1995 (II. Luyện kim, điều kiện lao động loại IV)
2	Công nhân Hàn; công nhân hàn cắt hơi	A.1 cơ khí, điện tử, tin học nhóm II, nhóm III	A1.6 cơ khí, điện tử - tin học nhóm II	Hàn điện, hàn hơi	Quyết định số 1629/LĐTBXH-QĐ ngày 26/12/1996 (I. Cơ khí – Luyện kim, điều kiện lao động loại IV)
3	Công nhân Đúc thép; công nhân tổ đúc thép; công nhân Đúc kim loại.	A1 cơ khí, điện tử, tin học nhóm III	A1.6 cơ khí, điện tử - tin học nhóm II, nhóm III	Nấu, đúc gang trong phân xưởng cơ khí	Quyết định số 1629/LĐTBXH-QĐ ngày 26/12/1996 (I. Cơ khí – Luyện kim, điều kiện lao động loại IV)
4	Công nhân Cán thép – Rèn cán;	A1 cơ khí, điện tử, tin học nhóm	A1.6 cơ khí, điện tử - tin học nhóm III	Rèn búa máy từ 350kg trở lên	Quyết định số 1453/LĐTBXH-QĐ ngày 13/10/1995 (II. Cơ



	công nhân rèn – cán; công nhân rèn; công nhân Rèn trên búa máy 400kg; công nhân rèn búa máy >400kg; công nhân rèn búa máy >500kg	III			khí, điều kiện lao động loại IV)
5	Công nhân Băm dũa; công nhân Mài; công nhân lao động	A1 cơ khí, điện tử, tin học nhóm III	A1.6 cơ khí, điện tử-tin học nhóm III	Vận hành máy mài, băm dũa	Quyết số 190/LĐTBXH-QĐ ngày 03/3/1999 (I. Cơ khí luyện kim, điều kiện lao động loại V)
6	Công nhân Nhiệt luyện; trung học nhiệt luyện; LĐPT nhiệt luyện; Ngành nhiệt luyện; công nhân xây lắp điện	A.1 cơ khí, điện tử, tin học nhóm II, nhóm III	A.1.6 cơ khí, điện tử - tin học nhóm III	Nấu đúc gang trong phân xưởng cơ khí	Quyết định số 1629/LĐTBXH-QĐ ngày 26/12/1996 (Điều kiện lao động loại V)